

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/LĐ-PT  
Ngày 29-06-2020  
Về việc đơn phương chấm dứt hợp  
đồng lao động

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tấn.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Cường;

Ông Nguyễn Công Lực.

***Thư ký phiên tòa:*** Lý Đạo Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm vụ án lao động thụ lý số 06/2020/TLPT-LĐ ngày 28 tháng 04 năm 2020 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 12/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXPT-LĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà H.D.T, sinh năm 1973; địa chỉ: Thị xã C, tỉnh An Giang; tạm trú: Thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T.T.H, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22-4-2019); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty I; địa chỉ: Thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà N.T.T, sinh năm 1984 – Trưởng phòng Hành chính nhân sự Công ty I, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21-8-2019); có mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà H.D.T.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:*

Bà H.D.T vào làm việc tại Công ty I (sau đây gọi tắt là Công ty I) vào ngày 24-02-2011, theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ ngày 24-02-2011 đến ngày 30-4-2012, công việc là trét keo ở máy UV, sau đó là chà nhám và sơn, mức lương là 1.500.000 đồng/tháng.

Từ ngày 01-5-2012 đến ngày 01-01-2017, giữa bà H.D.T và Công ty I tiếp tục ký kết các hợp đồng lao động xác định và không xác định thời hạn. Bà H.D.T và Công ty I ký phụ lục hợp đồng lao động cuối cùng số IW-17179/PL/2017 điều chỉnh mức lương và phụ cấp lương là 4.781.650 đồng/tháng.

Trong quá trình làm việc tại Công ty I, bà H.D.T luôn chấp hành nội quy công ty. Tuy nhiên, ngày 01-6-2018, công ty không cho bà H.D.T vào làm việc và tự ý ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 208/2018 cho bà H.D.T nghỉ việc mà không thông báo cho bà H.D.T biết. Theo nội dung Quyết định cho thôi việc thì Công ty I căn cứ vào Đơn xin thôi việc ngày 01-6-2018 để cho bà H.D.T Nghỉ việc, bà H.D.T xác định bà H.D.T không biết đơn xin thôi việc này và bà H.D.T cũng không ký vào đơn xin thôi việc ngày 01-6-2018. Nhận thấy, việc Công ty I cho bà H.D.T nghỉ việc là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà H.D.T. Do vậy, bà H.D.T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty I hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 208/2018 ngày 01-6-2018 đối với bà H.D.T.

- Buộc Công ty I phải nhận bà H.D.T trở lại làm việc và bố trí công việc mà trước đây bà H.D.T đã làm tại Công ty theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn số IW-17179/HĐLD/2013 ngày 01-11-2013.

- Buộc Công ty I phải thanh toán cho bà H.D.T tiền lương và phụ cấp trong những ngày bà H.D.T không được làm việc tại Công ty I, tính từ ngày Công ty ban hành quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật (ngày 01-6-2018) cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 07-02-2020 là 18 tháng 06 ngày x 4.781.650 đồng/tháng = 87.026.030 đồng.

- Buộc Công ty I phải thanh toán hai tháng tiền lương và phụ cấp do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với số tiền là: 4.781.650 đồng/tháng x 02 tháng = 9.563.300 đồng.

- Buộc Công ty I phải thanh toán tiền lương trong những ngày Công ty vi phạm thời hạn báo trước, cụ thể: 4.781.650 đồng/26 ngày = 183.896 đồng/ngày x 45 ngày = 8.275.326 đồng.

- Buộc Công ty I phải thanh toán đủ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 7-2018 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm 07-02-2020 là 18 tháng 06 ngày x 21%/tháng x 4.781.650 đồng/tháng = 18.275.466 đồng.

Tổng cộng số tiền bà H.D.T yêu cầu Công ty I phải thanh toán là

123.140.000 đồng.

*Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn - bà N.T.T trình bày:*

Bà N.T.T thống nhất với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc giữa Công ty I và bà H.D.T có ký kết các hợp đồng lao động và phụ cấp hợp đồng lao động, mức lương và các khoản phụ cấp như nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Bà N.T.T không thống nhất về quá trình làm việc của bà H.D.T tại công ty vì bà H.D.T làm việc tại Công ty I từ ngày 24-02-2011 đến ngày 20-5-2017; từ ngày 21-5-2017 đến ngày 13-8-2017 (84 ngày), bà H.D.T xin nghỉ bệnh, có đơn xin nghỉ phép và có giấy xin nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội do bị bệnh tràn dịch khớp gối. Tất cả đơn nghỉ phép này đều được nộp từ bộ phận thống kê của công ty. Trong thời gian bà H.D.T nghỉ bệnh, Công ty I căn cứ vào đơn xin nghỉ phép và giấy xin nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội làm thủ tục để Bảo hiểm tỉnh Bình Dương chi trả tiền bảo hiểm cho bà H.D.T qua tài khoản của công ty và công ty đã chuyển khoản cho bà H.D.T. Thực tế từ ngày 21-5-2017, bà H.D.T chỉ làm việc tại công ty 02 ngày là ngày 26 và 27-5-2017, từ ngày 28-5-2017, bà H.D.T không còn làm việc tại công ty, không đến công ty để làm việc nên công ty không chi trả tiền lương cho bà H.D.T, chỉ có Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương chi trả tiền bảo hiểm xã hội cho bà H.D.T trong thời gian từ ngày 21-5-2017 đến ngày 13-8-2017. Từ ngày 14-8-2017 đến ngày 31-5-2018, bà H.D.T tự ý nghỉ mà không có đơn xin nghỉ việc. Ngày 01-6-2018, Công ty I nhận được đơn xin nghỉ việc của bà H.D.T từ bộ phận thống kê của Công ty chuyển lên và Công ty I đã ban hành Quyết định cho bà H.D.T nghỉ việc từ ngày 01-6-2018. Theo quy định của công ty, khi công nhân nghỉ phép, nghỉ việc thì phải có đơn xin nghỉ phép, đơn xin nghỉ việc nộp cho công ty. Sau khi cho bà H.D.T nghỉ việc, Công ty I đã giải quyết hết các chế độ cho bà H.D.T. Việc Công ty cho bà H.D.T nghỉ việc là đúng quy định nên Công ty I không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là đơn xin xác nhận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động ngày 12-7-2018 thì người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận bị đơn có ký và đóng dấu vào đơn xác nhận này. Tuy nhiên, giữa công ty và bà H.D.T không có thỏa thuận nào liên quan đến việc tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động. Việc ký vào đơn xác nhận này là sau thời điểm công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà H.D.T. Do bà H.D.T đề nghị công ty hỗ trợ để làm thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp và do bà H.D.T không làm việc tại công ty từ ngày 14-8-2017 đến ngày 31-5-2018 nên công ty mới xác nhận giúp cho bà H.D.T.

Bản án sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 12/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.D.T đối với bị đơn Công ty I về việc tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.
2. Về chi phí giám định: Nguyên đơn bà H.D.T phải chịu 5.400.000 đồng,

nguyên đơn đã nộp 3.400.000 đồng, bị đơn Công ty I đã nộp 2.000.000 đồng. Nguyên đơn bà H.D.T phải nộp 2.000.000 đồng để trả lại cho bị đơn Công ty I.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Các đương sự không phải nộp án phí.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/02/2020, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 25/02/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã T có Quyết định kháng nghị số 05/QĐKN/VKS-LĐ, kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy bản án sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST của Tòa án nhân dân thị xã T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thủ tục giám định bổ sung không đúng quy định, không bảo đảm tính khách quan và chữ ký trong đơn xin thôi việc ngày 01/6/2018 không phải do bà H.D.T ký tên nên vẫn giữ nguyên kháng nghị yêu cầu hủy án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà H.D.T nộp đơn kháng cáo và Viện Kiểm sát thị xã T kháng nghị trong thời hạn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cũng như kháng nghị của Viện Kiểm sát thị xã T thấy rằng:

Hợp đồng lao động giữa bà H.D.T với Công ty I theo xác định của Tòa án cấp sơ thẩm xác định là hợp đồng lao động không xác định thời hạn là phù hợp.

Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 208/2018 ngày 01-8-2018 của Công ty I với bà H.D.T căn cứ vào đơn xin thôi việc ngày 01-06-2018. Kết luận giám định số 4483/C09B ngày 11-10-2019 so với chữ viết đứng tên H.D.T trên các tài liệu dùng làm mẫu là không phải do cùng một người viết, ký ra. Tuy nhiên, chữ viết và chữ ký trong đơn xin thôi việc ngày 01-6-2018 với chữ viết và chữ ký trong các đơn xin nghỉ phép ngày 03-5-2017, ngày 22-5-2017, ngày 29-5-2017, ngày 05-6-2017, ngày 12-6-2017, ngày 19-6-2017, ngày 26-6-2017, ngày 03-7-2017, ngày 10-7-2017 và ngày 18-7-2017 trước khi nghỉ việc là cùng một người ký và viết ra theo Kết luận giám định số 4990/C09B ngày 20-11-2019 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Điều 8 nội quy lao động của Công ty I (Bút lục 229 - 249) quy định về nghỉ bệnh. Điểm 8.4, Điều 8 nêu “*Ngay ngày đầu tiên đi làm trở lại, nhân viên phải nộp đơn xin nghỉ phép cho giám sát trực tiếp ký duyệt trước khi chuyển đến phòng nhân sự cùng các giấy tờ hợp lệ khác có liên quan...*”. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bà H.D.T nghỉ bệnh không nộp các đơn nghỉ phép là không có căn cứ.

Thực tế, bà H.D.T đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương chi trả chế độ ốm đau qua tài khoản của công ty (Văn bản số 1834/BHXXH-CD.BHXXH ngày 22-10-2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương) là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp gồm các phiếu lương tháng 5/2017 (Bút lục 218), tháng 6-2017 (bút lục 217), phiếu lương tháng 7-2017 (bút lục 216) và phù hợp với tài liệu, chứng cứ là sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giao nộp.

Như vậy, có căn cứ xác định từ ngày 21-5-2017 đến ngày 13-8-2017, bà H.D.T có nghỉ phép, phải có nộp đơn cho Công ty I và các giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội, được công ty thanh toán tiền lương, được Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương chi trả tiền bảo hiểm xã hội trong thời gian nghỉ bệnh. Toàn bộ chữ viết, chữ ký trong các đơn xin nghỉ phép với chữ viết, chữ ký trong đơn xin thôi việc là do một người ký và cũng là ý chí của bà H.D.T (nguyên đơn).

Thời gian lao động, thời gian nghỉ trị bệnh cũng như thời gian nghỉ việc không lương của nguyên đơn được thể hiện ở bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (Bút lục 262) của cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã T. Trong đó thể hiện mức đóng tiền, tỷ lệ% và cụ thể thời gian lao động của nguyên đơn là đến tháng 8/2017, thời gian nghỉ làm việc không lương từ 8/2017 đến 5/2018, thời gian không tham gia bảo hiểm xã hội từ 6/2018 đến 7/2018 và thời gian từ 8/2018 thì tham gia bảo hiểm trở lại ở Công ty TNHH Quốc tế Samil Vina. Như vậy, về thực tế bà H.D.T (nguyên đơn) đã nghỉ làm việc tại Công ty I một thời gian dài từ tháng 14/8/2017 đến 01/06/2018 thì nộp đơn xin nghỉ việc và ngày 12/7/2018 nộp đơn xin xác nhận về thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động. Điều này hoàn toàn phù hợp với các phiếu trả lương của Công ty I xác lập đối với trường hợp của bà H.D.T (nguyên đơn).

Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đại diện nguyên đơn đều thừa nhận là bà H.D.T không làm việc ở Công ty I trong thời gian nói trên nên bà H.D.T có đơn xin xác nhận ngày 12/8/2018 với mục đích xin hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp thì không thể cho rằng Công ty I đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động ngày 01/6/2018 mà không có ý chí thỏa thuận với bà H.D.T.

Bản án sơ thẩm xác định do ý chí của bà H.D.T xin nghỉ việc theo đơn ngày 01/6/2018, chữ ký tại đơn này giám định phù hợp với các đơn xin nghỉ phép trước đây đúng vào các ngày bà H.D.T nghỉ có giấy xác nhận của Bác sĩ là phù hợp nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu giám định lại chữ ký, chữ viết bổ sung theo Kết luận giám định 4990/C09B ngày 20/11/2019 không bảo đảm tính khách quan, đầy đủ, toàn diện, vi phạm tố tụng là không phù hợp vì đây là một giám định khác với giám định 4483/C09B ngày 11/10/2019 về mẫu so sánh và không phải là giám định lại, giám định bổ sung.

[4] Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 22, 36 của Bộ luật Lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà H.D.T và không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 05/QĐKN/VKS-LĐ ngày 25/02/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 12/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T như sau:

1.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.D.T đối với bị đơn Công ty I về việc tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

1.2 Về chi phí giám định: Nguyên đơn bà H.D.T phải chịu 5.400.000 đồng (Năm triệu, bốn trăm ngàn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng bà H.D.T đã nộp 3.400.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm ngàn đồng). Bị đơn Công ty I đã nộp 2.000.000 đồng. Nguyên đơn bà H.D.T phải nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để trả lại cho bị đơn Công ty I.

1.3 Về án phí lao động sơ thẩm: Các đương sự không phải nộp án phí.

2. Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án ngày 29/6/2020./.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TX T;
- Chi cục THADS TX T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa LĐ, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Minh Tấn**